TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:43/2021/DS-ST
Ngày: 23 – 9 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ VănVinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư

Ông Lâm Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 14/01/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 và thông báo dời phiên tòa số 129/TB-TA ngày 27/8/202; Quyết đinh hoãn phiên tòa số 147/2021/QĐST- DS ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C.

Địa chỉ: số 169, Phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hải A, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lâm Thị D, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020;cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C là ông Nguyễn Hải A trình bày:

Ngày 28/3/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C đã giải ngân cho bà Nguyễn Ngọc U vay số tiền là 25.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi heo, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi quá hạn 0,89375%/tháng. Thời hạn vay là 3 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19/3/2019 (món vay đã quá hạn). Số dư nợ đến ngày 23/11/2020 là 25.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận trả nợ thì 12 tháng trả gốc 1 lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Tuy nhiên, đến nay bà Nguyễn Ngọc U không thực hiện đúng theo hợp đồng. Đến ngày 23/11/2020, bà Nguyễn Ngọc U vẫn còn nợ 25.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 23/11/2020 là 6.108.640 đồng.

Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D phải trả số tiền vốn và tiền lãi phát sinh là 31.108.640 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 23/11/2020 là 6.108.640 đồng, lãi sẽ được cộng thêm cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà U và bà D đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bà.

[2] Xác quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 của Ngân hàng C, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện trên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", là phù hợp với các tài liệu ,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Nội dung: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D trả số tiền 31.108.640 đồng (vốn gốc: 25.000.000 đồng; lãi trong hạn: 6.108.640 đồng, tạm tính đến ngày 23/11/2020)

[4] Tại phiên Tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C là ông Nguyễn Hải A yêu cầu bà Nguyễn Ngọc U trả số tiền nợ vốn, lãi là: 30.594.429 đồng (vốn gốc: 25.000.000 đồng; lãi trong hạn: 5.594.429 đồng, tạm tính đến ngày 23/9/2021) và sẽ tiếp tục tính lãi cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng. Đồng thời rút lại yêu cầu buộc bà Lâm Thị D cùng trả số tiền vay trên với bà Nguyễn Ngọc U.

[5] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D trả số tiền nợ vốn, lãi là: 30.594.429 đồng

đồng (vốn gốc: 25.000.000 đồng; lãi trong hạn: 5.594.429 đồng, tạm tính đến ngày 23/9/2021) và sẽ tiếp tục tính lãi cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D đã nhận được thông báo thụ lý số: 07/TB- TLVA ngày 14/01/2021; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 07/TB - TA ngày 14/01/2021; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải số 16/TB - TA ngày 02/2/2021. Với nôi dung là Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc U và bà Lâm Thị D trả số tiền 31.108.640 đồng (vốn gốc: 25.000.000 đồng; lãi trong hạn: 6.108.640 đồng, tạm tính đến ngày 23/11/2020) và sẽ tiếp tục tính lãi cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng, nhưng bà U và bà D không có phản đối, ý kiến gì về số tiền vay còn nợ lại phải trả cho Ngân hàng C, nên người đại diện ủy quyền của Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc U trả số tiền vốn và lãi của hợp đồng vay trên là có căn cứ. Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, người đại ủy quyền của Ngân hàng rút lại phần yêu cầu đối với bà Lâm Thị D cùng trả số tiền vay trên với bà Nguyễn Ngọc U, là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Lâm Thị D cùng trả số tiền vay trên với bà Nguyễn Ngọc U.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng C là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó áp dung Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bà Nguyễn Ngọc U phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C trả số tiền: 30.594.429 đồng, là có căn cứ. Xét thấy tại phiên Tòa người đại ủy quyền của Ngân hàng rút lại phần yêu cầu đối với bà Lâm Thị D cùng trả số tiền vay trên với bà Nguyễn Ngọc U là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đình chỉ đối với phần yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Lâm Thị D cùng trả số tiền vay trên với bà Nguyễn Ngọc U.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc U phải chịu án phí dân sơ thẩm là: 1.529.721 đồng (đã làm tròn số), đối với số tiền: 30.594.429 đồng x 5% = 1.529.721,45 đồng.

Ngân hàng Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 điều 244; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng C kiện bà Nguyễn Ngọc U về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Ngọc U phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng C (Phòng giao dịch huyện C) số tiền: 30.594.429 đồng (vốn gốc: 25.000.000đồng; lãi trong hạn: 5.594.429 đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C buộc bà Lâm Thị D cùng có nghĩa vụ với bà Nguyễn Ngọc U trả số tiền vốn và lãi: 30.594.429 đồng.

Kể từ ngày 23/9/2021, bà Nguyễn Ngọc U phải tiếp tục chịu lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, lãi tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc U phải chịu án phí dân sơ thẩm là: 1.529.721 đồng

Ngân hàng C không nộp tiền tạm ứng án phí; không phải chịu án phí Tòa án theo quy định tại điểm c Điều 11 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;